

Bản án số: 02 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2022

Về việc Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Thanh Nhân

2. Ông Nguyễn Văn Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Văn Dư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 307/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1990 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lê Thị N trình bày:* Chị và anh Huỳnh Văn T do được mai mối, quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 24/3/2010. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, đến khoảng năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do giữa hai người bất đồng quan điểm sống, anh Toán không quan tâm vợ con, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi nhau. Đến năm 2013, anh T thường xuyên vắng nhà mà không

nói cho chị biết anh đi đâu. Do thấy anh T không quan tâm gì đến chị nên chị và con về nhà cha mẹ ruột chị sống từ năm 2013 và vợ chồng ly thân đến nay không còn quan tâm gì đến nhau.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

Về con chung: Có một người là Huỳnh Thị H Đ, sinh ngày 03/9/2012 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu hỏi ý kiến của con, nếu cháu Đ có nguyện vọng sống chung với chị thì chị đồng ý nuôi, nếu con có nguyện vọng sống chung với anh T thì chị đồng ý giao con cho anh T nuôi, chị chưa đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống, chị và anh T không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Huỳnh Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo đến Tòa án lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến Tòa án và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy không có lời khai của anh T.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Càng Long:

*Về tố tụng:* Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự, nguyên đơn chị Lê Thị N chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Huỳnh Văn T chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ. Tại phiên tòa, anh Toán đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

*Về nội dung:* Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N. Cho chị N được ly hôn với anh T. Về con chung giao cho chị N được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi con chung theo nguyện vọng của con; Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản do chị N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xét; về nợ chị N khai không có nên không xét; Về án phí buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn T và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con khi ly hôn. Bị đơn, anh Huỳnh Văn T có nơi cư trú tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Anh Huỳnh Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Giấy triệu tập đương sự. Tại phiên tòa, anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị N và anh Huỳnh Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 24 tháng 3 năm 2010. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị Lê Thị N và anh Huỳnh Văn T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị N và anh T sống chung tại ấp S, xã M, huyện C, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không quan tâm chăm sóc chị N và con mà thường xuyên vắng nhà, chị N góp ý nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi nên từ năm 2013 chị và con về nhà cha mẹ chị sống tại ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh và vợ chồng ly thân cho đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...*” Nhưng khi mâu thuẫn xảy ra chị N và anh T không tìm giải pháp khắc phục mà ly thân mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình từ năm 2013 đến nay đã hơn 08 năm. Đồng thời, qua kết quả xác minh, ông Huỳnh Văn D là cha ruột của anh T cung cấp trong cuộc sống vợ chồng chị N, anh T có nhiều mâu thuẫn khó hàn gắn, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông có trao đổi với anh T, anh T có ý kiến là anh cũng đồng ý ly hôn với chị N do vợ chồng sống ly thân nhiều năm không hàn gắn được. Đại diện chính quyền địa phương cung cấp, trước đây vợ chồng chị N, anh T sống chung tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tuy nhiên, không biết vợ chồng chị N, anh T có mâu thuẫn gì mà đã sống ly thân nhiều năm. Hơn nữa, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn không có mặt và cũng không cung cấp ý kiến đến Tòa. Điều này chứng tỏ anh T đã không còn quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N. Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Huỳnh Văn T là phù hợp.

[4]. *Về con chung*: Chị N và anh T chung sống có một người con chung là Huỳnh Thị H Đ, sinh ngày 03/9/2012 hiện đang sống chung với chị N. Khi chị N, anh T ly hôn,

cháu H Đ có nguyện vọng được sống chung với chị N, chị N cũng thống nhất nuôi con. Xét thấy, cháu H Đ từ nhỏ sống chung với chị N, để đảm bảo cháu H Đ có điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất lẫn tinh thần nên tiếp tục giao cháu H Đ cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[6]. *Về tài sản*: Chị N không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[7]. *Về nợ*: Chị N khai không có, Tòa không xét.

[8]. *Về án phí*: Chị N là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị N.

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị N được ly hôn anh Huỳnh Văn T.

*Về con chung*: Chị Lê Thị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Huỳnh Thị H Đ, sinh ngày 03/9/2012.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị N chưa đặt yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

*Về tài sản*: Chị N không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

*Về nợ*: Chị N khai không có, Tòa không xét.

*Về án phí*: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006508 ngày 25 tháng 10 năm 2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu, chị N đã nộp đủ tiền án phí.

*Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND xã Mỹ Cẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**Đã ký**

**Nguyễn Thị Trang**